

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU KHÍ HẬU VÙNG A-LƯỚI

Lê Giáp

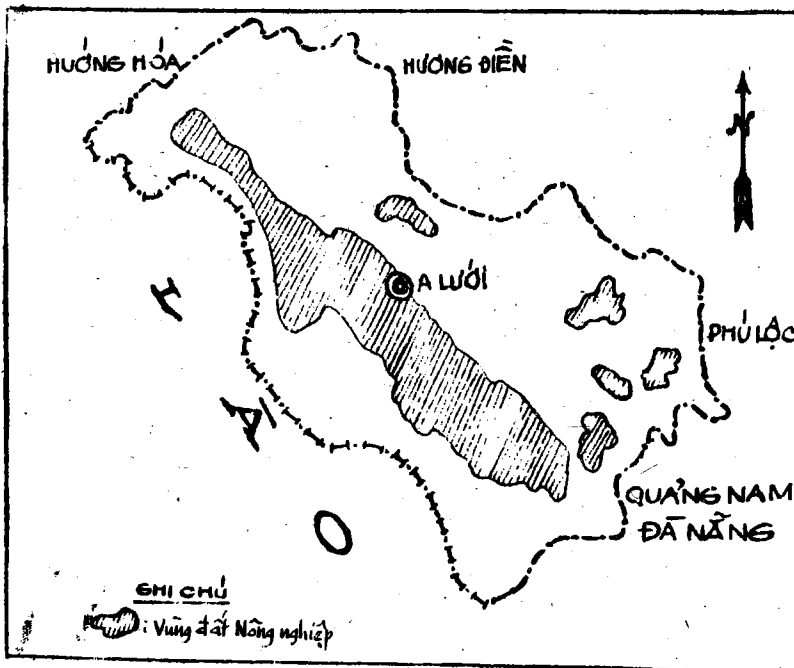
(Đài KTTV Bình Trị Thiên)

Đặt vấn đề : Mục đích chuỗi số liệu điều tra cơ bản về khí tượng, ở vùng núi A lưới quá ngắn, và chỉ có một điểm chứ chưa tổ chức được những điểm phụ trải trên một diện rộng hơn, đồng thời tài liệu tham khảo còn ít nhưng đứng trước yêu cầu phát triển sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp, cần tìm hiểu để phân lập được vùng chuyên canh. Với sự hiểu biết còn hạn chế, bài viết này hy vọng đáp ứng phần nào cho yêu cầu nói trên.

1. Địa hình, vai trò chủ yếu trong việc hình thành vùng khí hậu nhỏ:

A lưới là một huyện miền núi, nằm vào góc tây nam thuộc tỉnh Bình Trị Thiên. Góc này hợp bởi đoạn Trường sơn chạy theo hướng tây bắc - đông nam và dãy núi có đèo Hải Vân, nối từ Trường sơn ra đến biển, theo hướng tây tây nam - đông đông bắc.

Phía bắc A lưới giáp huyện Hương Điền, đông giáp huyện Phú Lộc; đông nam giáp tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng; nam và tây nam giáp nước Cộng hòa nhân dân Lào. Tây bắc giáp huyện Hương Hóa (xem sơ đồ phác họa ở H.1)



H.1. - SƠ ĐỒ HUYỆN A LƯỚI

Là một huyện miền núi, nên địa hình gồ ghề. Đứng giữa thung lũng A - so - A lưới, nhìn bao quát thấy: phần lớn núi không cao lắm. Tại hai hướng đông và đông nam các núi thấp hơn cả. Chỉ có hướng tây nam, với ngọn núi Ngại cao 1755m. Ở phía bắc tây bắc, cũng có một đoạn núi khá cao. Chính những điều kiện che chắn này mà, hướng của hai mùa gió thịnh hành dễ thay đổi, so với tình hình chung của tỉnh.

Thung lũng A so - A lưới không phải là dạng lòng chảo. Với diện tích 750 ha, kéo dài theo hướng tây bắc - đông nam, theo gần suốt chiều dài của huyện. Độ cao địa hình thung lũng khoảng 550 - 600m, so với mặt biển, ở phần giữa đến nam huyện thung lũng nghiêng về hướng tây nam; phía bắc huyện dốc về đông bắc. Chính địa hình này, đã qui định cho hai hệ thống suối, sông chảy ngược chiều nhau, các nhánh suối nhỏ, đổ nước ra sông A sắp ở nam huyện, để chảy sang Lào. Ở phía bắc huyện, những dòng suối lại đổ nước vào thượng nguồn sông Bô, sông này chảy về phía biển Đông. Nhìn chung: hệ thống sông suối phân bố khá đồng đều trong vùng, nhưng do địa hình, nên rất khó sử dụng nước.

Tổng diện tích đất đai trong toàn huyện gồm có 117 166 ha; phần nhiều là đất rừng đồi núi. Đất dùng cho nông nghiệp có khoảng 5 424 ha (chiếm 4,6% diện tích). Có khoảng 1 800ha đồng cỏ (chiếm 1,5% diện tích). Đất ở đây có thể chia làm 14 loại (xem bảng 1), nhưng trong nông nghiệp chỉ sử dụng được khoảng 5 loại là: đất xám phù sa cổ; nâu vàng trên phù sa cổ; đỏ vàng trên đá sét; phù sa sông và phù sa ngòi suối.

Đất phù sa cổ, nói chung cũ bạc màu, chua; độ pH khoảng 4-5.

Bảng 1 - Các loại đất của A lưới

TT	Tên đất	Trên nền đá	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Xám	Phù sa cổ	895,75	0,76
2	Nâu vàng	Phù sa cổ	4 908,79	4,17
3	Đỏ vàng	Đá sét	7 758,06	6,70
4	Đỏ vàng	Ge-ra-nít	37 798,65	32,30
5	Đỏ vàng	Ge-nai	25 621,93	23,11
6	Đỏ vàng	Phi-lin	11 429,27	9,88
7	Phù sa	Sông	10,00	0,0082
8	Phù sa	ngòi, suối	460,54	0,31
9	Kối mòn tro sỏi đá.	Ge-ra-nít	297,50	0,23
10	Vàng nhạt.	Cát	1 094,47	0,93
11	Vàng đỏ	Ge-re-nít	16 682,77	14,20
12	Màu vàng	Mác-ma-xít	5 707,33	4,93
13	Nâu tím	Đá sét	323,10	0,28
14	Màu vàng đỏ	Ge-ra-nít	3 568,00	3,08

Trừ những cánh rừng già bao bọc xung quanh thung lũng lớn nhất huyện, thảm thực vật còn lại trên các đồi bát úp rất mỏng. Cây không cao, đại bộ phận là cỏ tranh.

Do địa hình cao, lại tương đối thoáng, nên ở đây có một nhiệt độ khác, không giống tình hình chung. Mặt khác, cũng do địa hình và vị trí của huyện; ở đây có một lượng mưa lớn; có sự thay đổi của hướng gió,... Địa hình và có lẽ cũng chỉ có địa hình là nhân tố cơ bản tạo nên vi khí hậu ở đây.

2. Tuy nằm trong hoàn lưu chung, nhưng cả hai mùa gió chính và hướng đều bị lệch :

Về đại khí hậu mà nói : không chỉ A lưới, không những Bình trị thiên mà cả nước ta đều nằm trong hoàn lưu khí quyển của khu vực đông nam châu Á. Những hoàn lưu lớn này, đáng kể có : áp cao cận nhiệt đới (còn gọi áp cao Thái bình dương) ; vành đai tín phong và áp thấp xích đạo - 3 hệ thống hoàn lưu này khá ổn định. Ngoài ra còn 4 hệ thống hoàn lưu khác hoạt động theo mùa là : không khí cực đới lục địa biến tính (có 2 dạng biến tính khi qua đất liền, qua biển); không khí nhiệt đới biển; không khí nhiệt đới vịnh Bengan và không khí xích đạo.

Hàng năm, các hệ thống hoàn lưu nói trên, đều tác động, nhưng do vị trí địa lý khá đặc biệt của tỉnh cho nên :

+ So với các tỉnh ở phía bắc : mùa đông tại Bình trị thiên đã rút ngắn lại mà, mức độ rét cũng kém thua. Dãy núi đèo Hải vân, có khả năng chặn những đợt gió mùa đông bắc yếu và làm cho khối không khí cực đới lục địa biến tính bị tĩnh lại, gây mưa, gây thời tiết xấu ở phía bắc đèo.

+ So với các tỉnh phía nam : mùa hè lại nóng hơn, vì khối không khí vịnh Bengan biến tính qua vùng lục địa nước Lào và vượt dãy Trường sơn, hiệu ứng Föhn đã phát huy tác dụng mạnh mẽ.

Trong năm có hai khoảng thời gian ngắn, thể hiện sự tranh giành ảnh hưởng của chế độ gió mùa đông bắc và tây nam. Tại những khoảng thời gian đó thường thì khối không khí bị kích động, tạo dòng thăng, nên có mưa rào và dông kèm theo. Đó là những tháng III - IV và tháng VIII-IX.

Trong năm, lại cũng thường thấy có loại gió đông hoặc đông nam mát mẻ dễ chịu; thổi xen kẽ vào những lúc một đợt gió mùa đông bắc hay tây nam kết thúc. Đó là do khối không khí nhiệt đới Thái bình dương, vẫn giữ bản chất ban đầu : mát và ẩm, không khí hải dương thuần khiết.

Dãy Trường sơn, có tác dụng ngăn chặn hướng gió mùa đông, ở tầng khí quyển sát gần mặt đất; do đó, hướng gió mùa này, thịnh hành tây bắc. Vì thế, mang lại cho vùng trung du - đồng bằng dạng thời tiết lạnh khô, thường xảy ra sau mùa mưa bão và hay gây ra hạn giữa vụ đông xuân.

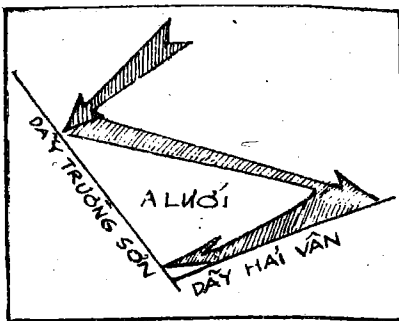
Trên đây lược trình những nét chính của hoàn lưu chung, để thấy rằng A lưới không ngoài điều chung đó, và A lưới vẫn nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa đông nam châu Á.

Mùa lạnh, bằng những đợt xâm nhập của khí đoàn cực đới lục địa biến tính đến

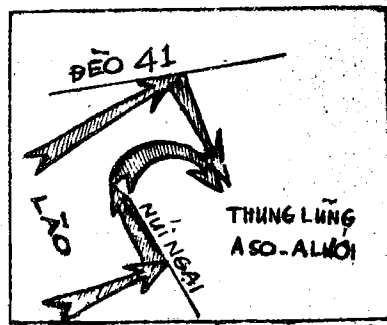
tỉnh; vượt qua tỉnh với những đợt mạnh. Bao giờ cũng thấy gió chuyển về hướng bắc hay đông bắc (lúc khi đoàn vừa đến), nhưng sau đó, trên toàn tỉnh gió lại quay ngược chiều kim đồng hồ, để rồi thổi thịnh hành theo hướng tây bắc.

Tại A Lưới, tình trạng gió chuyển về tây bắc lại không thấy xảy ra mà, sau giai đoạn đông bắc, gió lại thịnh hành hướng đông (thuận chiều kim đồng hồ). Vì sao vậy?

Bằng độ cao địa hình nên gió không chuyển về tây bắc (Độ cao địa hình 500-600m, A Lưới ảnh hưởng trường gió đông trên mặt đẳng áp 500mb); mặt khác, do dãy núi đâm ngang ra biển theo hướng tây tây nam - đông đông bắc, đã chặn hướng gió ở sát mặt đất, bắt nó thổi men theo hướng địa hình, để trèo lên độ cao 500 - 600 m; vượt qua A Lưới, sang Lào. (xem H.2)



H2.- Tác dụng địa hình, gió NE thổi hướng.



H3.- Tác dụng địa hình, gió SW thổi hướng.

Cũng bằng địa hình, chúng ta có thể giải thích vì sao về mùa hè, khi gió tây nam hoạt động thì tại A Lưới lại thịnh hành hai hướng tây bắc và tây. Muốn vào A Lưới đi theo đường mòn Hồ Chí Minh từ bắc vào nam (nay là đường Trường Sơn), qua sông Đa Krông, xuôi về hướng nam đông nam, phải leo đèo 41, ở phía tây bắc thung lũng A so - A Lưới. Như vậy, địa hình ở hướng này cao lên. Mặt khác, ở tây nam A Lưới có dãy núi Ngai, chắn vuông góc của hướng gió tây nam, làm cho gió thổi đến đây phải rẽ sang hướng bắc, gặp địa hình ở phía tây bắc, buộc gió phải thổi theo tây bắc hoặc tây vào thung lũng A so - A Lưới (xem H3)

Tóm lại : mùa đông, gió của khí đoàn lạnh đến A Lưới thịnh hành hướng đông, từ tháng X năm trước, đến tháng II năm sau; mùa hè gió tây nam đến A Lưới chủ yếu bằng hướng tây bắc, từ tháng VI - VIII. Tuy A Lưới ở khá cao, nhưng số lần lộng gió ở đây cũng chiếm một tỉ lệ khá lớn (xem bảng 2).

Bảng 2. Tỷ lệ (%) hướng gió trong năm ở A Lưới.

Hướng	Lộng	N	NE	E	SE	S	SW	W	NW
Tỷ lệ (%)	27	3	9	20	10	4	2	9	16

3/ Trong vùng nhiệt đới, nhưng nền nhiệt cả năm khá thấp :

Với nhiệt độ trung bình năm của không khí, tại A lưới $> 21^{\circ}\text{C}$ (T.B của 6 năm số liệu là $21,5^{\circ}\text{C}$), cho phép ta nói : A lưới tuân theo chế độ nhiệt vùng nhiệt đới. Vì vậy ở đây vẫn có hai mùa nóng và lạnh. Điều đáng quan tâm là mức độ nóng, lạnh ở A lưới có khác so với tình hình chung của tỉnh Bình trị thiên.

Trong 4 tháng lạnh (từ tháng XI-II), nhiệt độ trung bình biên động trong khoảng $17 - 19^{\circ}\text{C}$. Chỉ có một tháng nóng (tháng VI, với nhiệt độ trung bình là $> 25^{\circ}\text{C}$). Mức độ từ ấm đến nóng, nhiệt độ trung bình từ $21-24^{\circ}\text{C}$, rơi vào các tháng III - V. Mức độ từ ấm sang lạnh, nhiệt độ trung bình từ $25 - 21^{\circ}\text{C}$, rơi vào các tháng VII - X (xem bảng 3).

Bảng 3. Nhiệt độ không khí trung bình nhiều năm ở A lưới ($^{\circ}\text{C}$)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Cả năm
t $^{\circ}\text{C}$	17,2	18,2	20,9	23,0	24,1	25,5	24,8	24,4	23,0	21,0	18,9	17,3	21,5

So với Tuyên hóa (miền núi tây bắc tỉnh), có độ cao địa hình thấp hơn A lưới khoảng $> 500\text{m}$; nhiệt độ tại A lưới đã thấp hơn từ $0,3 - 4,1^{\circ}\text{C}$ (riêng tháng III có trị số bằng nhau).

So với Huế, vùng đồng bằng ven biển, cũng có độ cao địa hình thấp hơn A lưới $> 500\text{m}$; nhiệt độ tại A lưới luôn luôn thấp hơn từ $2,2 - 4,4^{\circ}\text{C}$.

So với Nam đồng, một thung lũng có dạng lòng chảo, thấp hơn A lưới khoảng 450m ; nhiệt độ A lưới luôn nhỏ hơn từ $2 - 3,2^{\circ}\text{C}$.

So với Khe sanh miền núi, nhưng thấp hơn A lưới khoảng 180m ; nhiệt độ có sự khác nhau như sau:

Từ tháng I - III, A lưới ấm hơn Khe sanh từ $0,2 - 0,7^{\circ}\text{C}$.

Từ tháng IV - VII, A lưới mát hơn Khe sanh từ $0,4 - 1,4^{\circ}\text{C}$.

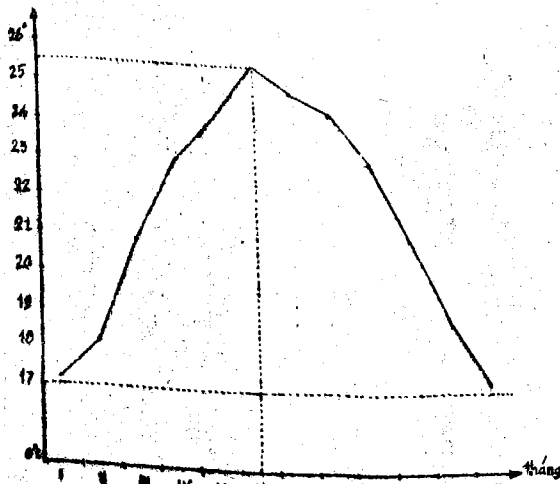
Tháng VIII, nhiệt độ trung bình tại hai nơi bằng nhau.

Từ tháng IX - XII, A lưới lạnh hơn Khe sanh khoảng từ $0,6 - 1,8^{\circ}\text{C}$ (xem bảng 4)

Bảng 4 . Chênh lệch nhiệt độ trung bình nhiều năm qua các tháng của A lưới so với một số nơi ($^{\circ}\text{C}$)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
So sánh (*)												
Tuyên hóa	-0,3	-0,7	0,0	-1,5	-3,6	-2,8	-4,1	-3,3	-3,1	-2,6	-1,6	+1,0
Huế	-2,7	-2,7	-2,2	-2,9	-4,1	-3,1	-3,5	-4,4	-4,1	-4,0	-4,3	+3,5
Khe sanh	+0,7	+0,5	+0,2	-0,9	-1,4	-0,7	-0,4	-0,0	-1,1	-1,8	-0,9	+0,6
Nam đồng	-2,1	-2,0	-2,0	-3,0	-3,2	-2,5	-2,6	-2,6	-2,7	-2,8	-2,5	+2,4

(*) Trị số mang dấu âm (-) là nhỏ hơn; mang dấu dương (+) là lớn hơn.



H4... NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH THÁNG NHỮNG NĂM
A - LƯỚI

nếu các yếu tố khách quan khác cũng tham gia (sẽ xem xét thêm ở mưa và độ ẩm không khí).

Khác với nhiệt độ tối cao, nhiệt độ tối thấp thường xảy ra cùng pha với biến trình nhiệt độ trung bình năm, tức cũng rơi vào tháng I hoặc tháng XII. Trị số thấp nhất thường xuống $< 10^{\circ}\text{C}$; cá biệt có năm đã xuống đến $3,8^{\circ}\text{C}$ (tháng I-1974), hoặc $4,0^{\circ}\text{C}$ (tháng XII - 1975).

Xét theo trị số trung bình của nhiệt độ thấp nhất; trị số nhỏ nhất trong dãy số liệu này là $14,1^{\circ}\text{C}$ xảy ra tháng I. Nói chung, nhiệt độ trung bình tối thấp $< 15^{\circ}\text{C}$ chỉ có thể xảy ra trong 3 tháng: XII, I, II. Với những giá trị vừa nêu, đã có khả năng tác động không tốt cho một số cây trồng kém chịu rét. Qua điều tra của chúng tôi, được biết rằng trong vòng 32 năm trở lại đây, với mức nhiệt độ thấp để có điều kiện hình thành sương muối, chưa thấy xảy ra. Quá khứ xa xôi hơn nữa, chúng tôi không có điều kiện xác minh được. Đây cũng là một vấn đề tồn tại.

Nhìn toàn bộ nền nhiệt tại A lưới trong năm, so với toàn tỉnh thấy ở đây khá thấp. Tích nhiệt đơn thuần chỉ đạt 7729°C thấp hơn Huế khoảng 1300°C ; Nam đồng khoảng 1047°C ; Khe sanh khoảng 280°C ; Tuyên hóa khoảng 867°C .

Lượng nhiệt tích lũy vừa nói của A lưới, phân ra cho vụ đông xuân, thấy biến động trong khoảng $3975 - 4165^{\circ}\text{C}$. Còn vụ hè thu chỉ có từ $3654 - 3716^{\circ}\text{C}$. Nếu xét tích nhiệt hữu hiệu (tức nhiệt độ trung bình ngày $\geq 10^{\circ}\text{C}$) thấy vụ đông xuân biến động từ $1855 - 2045^{\circ}\text{C}$; còn vụ hè thu từ $2124 - 2186^{\circ}\text{C}$ (xem bảng 5), cũng là nơi thấp nhất so toàn tỉnh.

Do độ cao địa hình, nên A lưới có một nền nhiệt cả năm thấp. Mặt khác cũng thấy rằng địa hình tương đối thoáng, nên sự trao đổi nhiệt diễn ra dễ dàng hơn, so với những thung lũng dạng lòng chảo.

Trên đồ thị biểu diễn biến trình năm của nhiệt độ trung bình, cực đại rơi vào tháng VI; cực tiểu rơi vào tháng I, hoặc tháng XII (H4). Điều này, một lần nữa xác định A lưới có chế độ nhiệt của vùng nhiệt đới. Tuy vậy, nhiệt độ cao nhất quan sát được trong vòng 6 năm gần đây, lại không xảy ra cùng thời gian với cực đại của biến trình năm, mà thường xảy ra vào tháng IV. Trong các trị số cao nhất của 6 năm quan sát (1973 - 1978), thấy có thể biến động từ $33,4 - 38,8^{\circ}\text{C}$. Với mức nhiệt này, lại hay xảy ra trong tháng IV, là tháng mà phần lớn cây trồng trong vụ đông xuân tại A lưới đang vào giai đoạn sinh trưởng sinh thực; tức thời kỳ ra hoa, kết quả; ít nhiều có ảnh hưởng bất lợi,

Bảng 5 . So sánh nhiệt độ tích lũy của A lưới và một số nơi

Địa điểm	Nhiệt độ tích lũy đơn thuần (°C)			Nhiệt độ tích lũy hữu hiệu (°C)		
	Đông xuân	Hè thu	Cả năm	Đông xuân	Hè thu	Cả năm
A lưới	4 051,7	3 678,0	7 729,7	1 928,3	2 148,0	4 076,3
Khe sanh	4 202,1	3 804,1	8 006,2	2 228,8	2 274,1	4 502,9
Nam đông	4 616,5	4 160,1	8 776,6	2 493,2	2 630,1	5 123,3
Tuyên hóa	4 316,8	4 280,5	8 597,3	2 193,5	2 770,5	4 964,0
Huế	4 672,6	4 349,0	9 021,6	2 552,6	2 819,0	5 371,6

4. Là một trong những nơi mưa lớn của Bình trị thiên

Trước khi tìm hiểu những nét riêng về mưa A lưới thiết nghĩ cũng nên nêu một cách sơ lược về qui luật mưa của tỉnh.

Mưa ở Bình trị thiên, có liên quan chặt chẽ tới sự hoạt động của những hoàn lưu khí quyển, lại kết hợp với vị trí địa lý và điều kiện địa hình của tỉnh. Ở đây so với toàn quốc là một vùng mưa vào loại lớn, Thừa lưu năm 1930 mưa tới 5 302mm; riêng tháng X - 1931 mưa tới 1 785mm. Nam đông lượng mưa có năm lên tới 6 000mm (năm 1973 và 1975). Miền bắc có trung tâm mưa lớn Tam đảo, Bắc quang là có thể sánh được.

Trong năm, thấy rất rõ ở Bình trị thiên có một mùa mưa tương đối tập trung và một mùa ít mưa (tạm gọi mùa khô). Tuy nhiên, tính đối lập giữa hai mùa này, có nơi không thể hiện một cách rõ ràng lắm. Thí dụ : Vĩnh linh, Quảng trị, Nam đông, A lưới, Phú bài ...

Lượng mưa trong những tháng thuộc mùa mưa (từ tháng VIII - tháng I), chiếm tỷ lệ khoảng 65 - 80%, trong tổng lượng mưa cả năm (xem bảng 6).

Bảng 6 . Tỷ số giữa lượng mưa thuộc mùa mưa và lượng mưa năm, một số nơi trong tỉnh.

Địa điểm	Tỷ số (%)	Tháng bắt đầu và kết thúc
Đồng hới	64	IX - XI
Quảng trị	72	IX - XII
Phú bài	79	IX - XII
Khe sanh	78	VII - XI
A lưới	67	VIII - XI
Nam đông	88	IV - XI

Sự phân bố về ngày mưa lại càng thể hiện ít rõ ràng hơn là lượng mưa. Trung bình mỗi tháng của mùa mưa có khoảng 20 ngày mưa; còn những tháng mùa khô chỉ có 9 ngày.

Như chúng ta biết : tháng II, III vẫn là thời kỳ không khí lạnh cực đới lục địa biến tính qua biển khá ổn định; tuy rằng nó có đưa được một lượng ẩm từ biển vào, song chỉ có thể gây ra mưa nhỏ hoặc mưa phùn, nên lượng mưa ít. Tháng VI, VII là thời kỳ cực thịnh của gió mùa tây nam khô nóng, nên cũng là thời kỳ khô mưa.

Từ tháng VIII-XII, sự hoạt động có tính xen kẽ của nhiều khối khí, và nói chung các khối khí này tích tụ lớn, đồng thời sự nhiễu động của bản thân nó cũng mạnh mẽ, nên dễ gây ra mưa lớn, kéo dài ngày.

Nguồn tích ẩm trong một chừng mức nào đó tuy quan trọng, nhưng chưa bằng những tác nhân gây mưa gắn liền với điều kiện địa hình, địa lý trong từng khu vực. Chính những điều kiện này, mới là nguyên nhân của sự xê dịch, của sự phân hóa lượng mưa theo mùa khác nhau ở từng nơi. Dưới đây sẽ dùng giá trị tỷ suất lượng mưa trung bình tháng để so với lượng mưa trung bình năm (xem bảng 7).

Bảng 7. Tỷ suất (%) lượng mưa trung bình tháng so với lượng mưa trung bình năm.

Địa điểm	Tháng											
	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Đồng tâm	2,1	1,5	1,9	3,4	6,2	5,7	6,8	11,7	21,8	24,0	10,7	3,5
Đồng hới	2,8	2,0	2,4	2,4	4,8	3,2	4,1	6,4	20,5	27,5	17,1	6,4
Lệ thủy	3,0	2,0	1,9	2,1	3,7	3,7	4,4	4,6	24,8	26,8	17,3	5,6
Vĩnh linh	5,0	3,3	1,9	1,7	3,9	3,7	4,0	4,9	16,9	28,6	17,0	9,2
Quảng trị	6,2	2,6	2,5	2,2	4,2	3,1	3,4	4,0	16,4	24,1	19,9	11,2
Khe sanh	1,8	1,0	1,0	2,0	6,4	6,8	12,9	10,2	25,5	16,1	14,2	2,6
A lưới	1,8	1,2	2,8	6,1	7,3	4,3	6,9	6,4	10,8	29,6	19,8	3,0
Phủ bài	6,1	2,2	2,4	1,8	3,2	2,9	3,2	4,0	15,4	24,7	20,9	11,6
Nam đồng	2,8	2,2	1,9	5,2	5,7	5,4	8,0	6,0	8,1	27,4	22,2	4,9

Qua bảng 7 thấy rằng tỉ suất lượng mưa đạt tới cực đại hầu hết rơi vào tháng X (trừ Khe sanh tháng IX), là tháng có lượng mưa ổn định nhất trong năm và là tháng dễ xảy ra lũ lụt nghiêm trọng. Trị số lớn thứ hai, lại có sự phân hóa theo không gian. Từ Vĩnh linh trở ra phía bắc tỉnh, rơi vào tháng IX, từ Vĩnh linh trở vào, rơi sang tháng XI. Điều này phù hợp với nguồn cung cấp ẩm; sự hoạt động theo mùa, của các nhiễu động thời tiết ở vùng vĩ độ thấp như bão, giải hội tụ nhiệt đới, hoặc sự kết hợp giữa các nhân tố trên, vào cuối hạ đầu đông. Tỉ suất nhỏ nhất, thường tập trung vào tháng II hoặc tháng III, là thời kỳ gió mùa đông bắc đang yếu dần; gió mùa tây nam tuy đã thiết lập, nhưng chưa mạnh lắm. Đây cũng là nguyên nhân thường gây hạn giữa vụ đông xuân. Trị số tỉ suất thấp thứ hai, thường xảy ra vào tháng VI là thời kỳ cực thịnh của gió mùa tây nam khô nóng.

Từ nhận xét khái quát về qui luật mưa toàn tỉnh, bây giờ chúng ta hãy xem xét mưa A lưới có nét gì đặc biệt? Như chúng tôi đã nêu : A lưới là nơi có lượng mưa lớn của Bình trị thiên. Điều này được giải thích bằng địa hình tại góc tây nam

của tỉnh. Các hướng núi ở đây có tác dụng ngăn chặn hướng gió của mùa mưa, làm cho các dòng không khí ẩm, bị gió đưa đến đây, ứ lại và trượt lên cho theo địa hình gồ ghề, nên dễ bị nhiễu động. Mặt khác, khi cả tỉnh ở vào thời kỳ mùa khô, thì ở đây thường nhận được những đám mây tích vũ, gây mưa rào và dông của mùa mưa từ tây Trường sơn vượt sang, nhờ ngọn gió tây nam đưa lại. Trừ những năm hạn đột xuất như năm 1979, nếu không hàng năm A lưới ít mưa nhất chỉ rơi vào tháng II mà thôi (xem bảng 8).

Bảng 8. Lượng và số ngày mưa trung bình nhiều năm ở A lưới.

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Cả năm
Lượng (mm)	155,5	32,0	138,2	171,4	205,9	141,3	195,1	186,2	1400,0	1772,0	556,0	137,0	2940,6
Số ngày	12,5	9,7	11,5	14,5	18,0	14,5	15,0	18,0	20,7	22,2	24,2	18,3	201,8

Qua bảng 8, ta biết được : hàng năm A lưới có tới 3 000mm nước mưa và trên 200 ngày mưa. Nếu đem lượng mưa ở đây, so với vùng núi Tuyên hóa (góc chân gió ở tây bắc tỉnh), thì A lưới hơn khoảng 795mm; so Khê sanh, thấy hơn tới 1062mm và cũng hơn Phú bài 130mm.

Nam đồng là một thung lũng thấp hơn A lưới, lại nằm gần biển và lại sát góc tây nam hơn, do đó lượng mưa của A lưới kém hơn Nam đồng khoảng 340mm.

Tổng quát cả năm thì như vậy, nhưng trên thực tế của lượng mưa từng tháng, có sự sai khác được biểu hiện bằng bảng 9 (xem bảng 9).

Bảng 9. Chênh lệch lượng mưa trung bình nhiều năm qua từng tháng của A lưới so với một số nơi (đơn vị mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Tuyên Hóa	+ 6,6	- 2,4	+45,7	+101,1	+ 84,9	+25,9	+ 45,2	- 35,5	-87,5	+245,3	+316,1	+ 49,9
Phú bài	-113,9	-31,2	+18,1	+120,0	+116,4	+60,5	+103,6	+ 71,9	-39,6	+ 67,5	- 40,5	-195,3
Nam đồng	- 45,1	-38,7	+34,5	+ 23,7	- 1,5	-19,9	- 33,1	- 9,5	+10,6	-192,5	- 30,5	-41,6
Khe sanh	+ 14,2	+23,9	+41,6	+ 67,9	+ 91,6	- 2,5	+ 0,3	-183,2	+61,9	+481,8	+380,1	+ 84,6

Chú ý : Trị số mang dấu âm (-) nhỏ hơn; mang dấu dương (+) lớn hơn.

Diễn trình mưa hàng năm của A lưới, giống diễn trình mưa chung của tỉnh; nghĩa là có dạng hai cực đại và hai cực tiểu. Cực đại thứ nhất vẫn rơi vào tháng X hàng năm. Cực tiểu sau mùa mưa, có phần khác so với vùng đồng bằng ven biển từ vĩ tuyến 17 trở vào. Cực tiểu là xảy ra vào tháng II; sớm hơn Vĩnh linh, Quảng trị và Huế 2 tháng và, cũng sớm hơn Nam đồng 1 tháng.

Nhìn chung A lưới có một lượng mưa phong phú. Từ tháng IV - XII trung bình mỗi tháng đều có lượng mưa đạt > 100mm. Đặc biệt lượng mưa tăng rất nhanh vào 2 tháng IX, X.

Tuy vậy xét tổng lượng mưa của 2 vụ thí, vụ đông xuân có lượng mưa nhiều hơn vụ hè thu khoảng 784mm.

Trong phần 3/ khi bàn đến nhiệt độ, chúng tôi đã nhận xét nhiệt độ cao nhất của A lưới hay xảy ra trong tháng IV, dễ gây những hậu quả bất lợi cho cây trồng, nếu như cái nóng đó cộng thêm với cái hạn kéo dài từ tháng II đến tháng IV. Nhưng thường thì tháng IV lượng mưa đã tăng nhanh, do đó độ ẩm trong khí quyển cũng tăng theo, nên sẽ giảm mức độ tác hại do nhiệt độ cao gây ra.

Tuy có một lượng mưa phong phú, nhưng lượng nước được giữ lại cho toàn huyện không nhiều vì địa hình dốc, đó là một yếu điểm, cho nên việc tưới tiêu hợp lý rất khó thực hiện.

5) Điểm thêm vài yếu tố khí tượng khác - Kết luận và tồn tại :

a) Nắng : Tổng trung bình số giờ nắng trong năm khoảng 1828h. Nếu tính một cách đơn thuần thì trung bình hàng ngày có khoảng 5 giờ nắng. Tuy nhiên, số giờ nắng, có quan hệ chặt chẽ tới lượng và dạng mây. Biến trình nắng trong năm, thấp nhất rơi vào tháng XI, cao nhất vào tháng IV; tiếp theo đó tháng V và tháng VI cũng có số giờ nắng nhiều, mỗi tháng đều đạt > 200 giờ. Vụ đông xuân tại A lưới có số giờ nắng ít vào giai đoạn đầu; giữa đến cuối vụ số giờ nắng tăng dần. Nếu cứ diễn biến theo mức trung bình như vậy, cây trồng ở đây có khả năng lợi dụng được tốt. Nhưng có năm do rét đậm kéo dài và tháng II có khả năng xảy ra một cực tiểu phụ, điều này bất lợi cho cây trồng ngắn ngày.

b) Độ ẩm không khí : Trung bình năm khoảng 85%, có một cực đại rơi vào tháng X hoặc tháng XI (là những tháng có lượng mưa cực đại); một cực tiểu rơi vào tháng VI, có khi sang tháng VII. Tuy vậy, xét giá trị thấp nhất (giá trị này biến động từ 25 - 40%) thấy thường xuất hiện vào tháng IV, tháng I hoặc tháng III. Do lượng mưa ít, nên độ ẩm này kết hợp với nhiệt độ cao, rất có khả năng làm cho lượng bốc hơi tăng nhanh, gây hạn đột xuất, kéo dài từ tháng II đến trước tháng V (quen gọi là mùa mưa Tiêu mẫn).

c) Bốc hơi : Trong năm từ tháng IV - VIII là những tháng có lượng bốc hơi lớn (tháng nào cũng > 100mm), riêng tháng VII là tháng có lượng bốc hơi lớn nhất. Lượng bốc hơi tăng nhanh từ tháng IV sang tháng V; trái lại cũng giảm rất nhanh từ tháng VIII sang tháng IX. Tháng XI thường có lượng bốc hơi ít nhất. Tổng trung bình năm có khoảng 936mm.

d) Sương mù : Sương mù ở A lưới chóng đến mà cũng chóng đi. Nó thường xuất hiện khi có gió đông hoặc đông nam, đưa không khí chứa độ ẩm cao từ biển vào, bị nâng lên theo độ cao địa hình. Hàng năm ở đây có thể nói: tháng nào cũng có sương mù, nhưng thường thấy ít nhất vào các tháng VI- VIII là thời kỳ gió tây nam hoạt động nhiều ngày; tháng XI khi gió mùa đông bắc mạnh, sương mù cũng ít hơn tháng IX hoặc tháng X. Số ngày có sương mù nhiều nhất là tháng III và thứ đến là tháng II. Sương mù mang đến cho A lưới một lượng ẩm phong phú, nhất là 3 tháng đầu năm.

e) Đông : Trong năm, tại A lưới chỉ có 3 tháng hầu như không thấy đông xuất hiện, đó là từ tháng XII - II. Tháng có nhiều ngày đông nhất là tháng V, thứ đến là tháng IV và tháng IX. Điều này phù hợp với sự tranh giành ảnh hưởng của các hệ thống khí đoàn. Trong các cơn đông nhiệt, thường kèm theo gió mạnh. Đã quan sát gió giật trong đông lên đến cấp 9 (tức là 75 - 88 km/h) và cũng đã thấy xuất hiện mưa đá cục bộ. Tác hại của gió mạnh trong đông và mưa đá thường gây thiệt hại trong thời kỳ thu hoạch các cây trồng của vụ đông xuân. Đây là loại thiên tai rất dễ xảy ra ở miền núi vùng A lưới.

Bảng 10. Trung bình nhiều năm của một số yếu tố

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Số giờ nắng (h)	127,8	121,2	151,0	222,0	214,8	210,6	199,7	148,7	140,0	117,4	76,5	98,6
Độ ẩm tương đối(%)	88	88	86	85	82	77	78	80	86	92	92	91
Lượng bốc hơi(mm)	43,7	46,3	62,0	89,4	105,2	134,0	151,6	127,3	52,6	43,0	33,8	46,8
Số ngày sương mù	8	9	11	9	6	1	1	1	8	8	2	6
Số ngày đông tại trạm	0	0	8	11	16	8	10	7	12	8	1	

Kết luận và tồn tại

Khí hậu vùng A lưới về cơ bản là khí hậu nhiệt đới gió mùa. Vì mang tính chất nhiệt đới gió mùa nên :

1. Trong năm có mùa lạnh và mùa nóng đều ngắn. Do đặc điểm của địa hình (núi cao, lưng trên cao, có phần thoáng, nên nhiệt độ luôn luôn thấp hơn so với vùng trung du và đồng bằng ven biển của tỉnh. Do nền nhiệt thấp, nên có một khoảng thời gian mát mẻ kéo dài, hợp cho nhiều cây trồng và con gia súc của vùng nhiệt đới sinh trưởng và phát triển. Vì nhiệt độ thấp, nên thời gian sinh trưởng của cây trồng ở A lưới sẽ dài hơn, nếu so vùng đồng bằng trong tỉnh.

2. Trong năm có mùa mưa dài, mùa ít mưa ngắn. Lượng và số ngày mưa đều phong phú, rất có ý nghĩa cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nhưng địa hình đã không tạo điều kiện tích lũy nước được lâu. Bằng những công trình thủy lợi loại nhỏ, loại vừa, trong tương lai có thể khắc phục được tình trạng thiếu nước, thường xảy ra từ tháng I - IV hàng năm.

3. Hoàn lưu đông bắc có thể gây rét hại hơn hoàn lưu tây nam gây nóng (vì nhờ có độ ẩm không khí khá cao). Từ đây có thể nói : muốn đưa các giống cây trồng và con gia súc từ nơi khác đến A lưới cần đề phòng nhiệt độ thấp và độ ẩm cao. Muốn phát triển công nghiệp có sử dụng các thiết bị bằng kim loại cũng cần chú ý đến độ ẩm cao; các kho tàng dự trữ cũng phải chú ý đến độ ẩm cao.

4. A lưới có thể ảnh hưởng của gió bão, khi bão đổ bộ vào đồng bằng phía nam của tỉnh, nhưng chắc chắn tốc độ gió sẽ giảm yếu vì ma sát địa hình; trái lại gió giật mạnh trong đông, nhất là đông trong thời gian chuyển tiếp từ mùa lạnh sang mùa nóng có kèm theo mưa đá, sẽ gây tác hại mạnh hơn cho mùa màng, nhà cửa. Vậy các công trình kiến thiết ở A lưới cần chú ý tốc độ gió giật trong đông và chú ý chống sét.

Còn một số tồn tại chúng tôi sẽ cố gắng nghiên cứu tiếp theo vấn đề sương muối, sương giá xuất hiện của A lưới v.v. Ngoài ra còn có thể tiếp tục nghiên cứu về khí hậu vùng núi ở một số nơi trong tỉnh như Bạch mã, vùng núi tây bắc tỉnh ... vào những dịp tới.